

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DSPT

Ngày: 29/4/2022

*V/v: Tranh chấp liên quan đến tài sản
bị cưỡng chế để thi hành án theo quy
định của pháp luật*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính; Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 70/2022/TLPT- DS ngày 22/3/2022 về “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2022/QĐ-PT ngày 24/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Xóm B, khu phố T, phường T, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Đàm Thuận T, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, phường H, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Ngô Thị H, sinh năm 1979 (có mặt).

2. Chị Đàm Thị T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố H, phường H, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

3. Văn phòng công chứng số 2, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Đường Lý Đạo Thành, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Bích Ngọc – chức vụ: Trưởng văn phòng (vắng mặt).

4. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hùng Cường – chức vụ: Phó chi cục trưởng (vắng mặt).

Người kháng cáo Anh Đàm Thuận T là bị đơn và Chị Đàm Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: Nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày: Bà và Chị H có quan hệ quen biết do Chị H học cùng với con gái bà. Tháng 01 năm 2017, bà có cho vợ chồng Chị H và Anh T vay số tiền 600.000.000đ. Do Anh T và Chị H không trả được số tiền đã vay nên bà đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn để yêu cầu Anh T, Chị H trả cho chị số tiền gốc và lãi phát sinh. Tại bản án số 02/2019/DSST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã buộc Anh Đàm Thuận T và Chị Ngô Thị H trả bà tổng số tiền là 760.200.000, trong đó 600.000.000đ tiền gốc và 160.200.000 đồng tiền lãi.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà đã làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án thị xã Từ Sơn thi hành bản án trên nhưng Anh T, Chị H không tự nguyện thi hành án. Ngày 10/9/2020, Chi cục thi hành án đã có quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản đối với quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản có trên thửa đất tại thửa đất số 696, tờ bản đồ số 05, diện tích 100m² (theo bản đồ đo đạc mới là thửa đất số 270, tờ bản đồ số 51) tại thôn H, xã H, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Anh Đàm Thuận T năm 2010.

Sau khi bà nhận được thông báo số 858/TB- CCTHADS ngày 21/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn và được biết ngày 26/7/2019, Anh Đàm Thuận T đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất trên cho em gái Anh T là Chị Đàm Thị T.

Việc Anh Đàm Thuận T thực hiện việc ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với Chị Đàm Thị T vào ngày 26/7/2019 là sau thời điểm bà khởi kiện Anh T và Chị H ra Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, vụ án được thụ lý ngày 17/7/2019. Do vậy, theo bà mục đích Anh T ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho em gái là Chị Đàm Thị T nhằm mục đích tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với bà.

Do vậy, bà khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký giữa Anh Đàm Thuận T và Chị Đàm Thị T đối với toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 696, tờ bản đồ 05, diện tích 100m² (theo bản đồ đo đạc mới là thửa số 270, tờ bản đồ 51) tại thôn H, xã H, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh,

hợp đồng được công chứng tại văn phòng công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh ngày 26/7/2019 là vô hiệu.

Bị đơn là Anh Đàm Thuận T trình bày: Anh xác nhận vợ chồng anh có vay của Bà Vũ Thị H tiền và theo bản án số 02/2019/DS-ST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn thì vợ chồng anh phải trả cho bà Huyền số tiền gốc là 600.000.000đ và tiền lãi là 160.200.000đ.

Ngày 26/7/2019, anh có ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 696, tờ bản đồ 05, diện tích 100m² tại khu phố H, phường H, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cho em gái anh là Chị Đàm Thị T. Việc anh lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho em gái anh là do vợ chồng anh có vay của Chị T số tiền 800.000.000đ để trả nợ cho Ngân hàng Công thương Việt Nam - chi nhánh Đông Anh. Sau khi vợ chồng anh trả nợ cho ngân hàng xong thì rút sổ đỏ về thì Chị T lại đưa thêm cho vợ chồng anh 200.000.000đ. Vì vậy, anh mới lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Chị T.

Ngoài thửa đất anh lập hợp đồng tặng cho Chị T thì vợ chồng anh không còn tài sản nào khác.

Bà Huyền khởi kiện đề nghị tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh và Chị T vô hiệu anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Huyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị Đàm Thị T trình bày: Chị và Anh Đàm Thuận T là hai anh em ruột. Ngày 26/7/2019, Anh T có lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 696, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m² tại khu phố H, phường H, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cho chị. Việc Anh T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị là do vợ chồng Anh T có vay chị số tiền 900.000.000đ để trả nợ ngân hàng và để làm ăn. Khi lập hợp đồng tặng cho chị không biết Anh T, Chị H có nợ tiền chị Vũ Thị H và khi lập hợp đồng tặng cho Anh T, Chị H không đưa ra điều kiện chị phải trả nợ cho bà Huyền hay cho ai khác cả. Từ khi lập hợp đồng tặng cho tại văn phòng công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh Anh T vẫn chưa bàn giao đất cho chị và chị cũng chưa đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chuyển quyền sử dụng đất sang tên chị.

Nay Bà Vũ Thị H đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Anh T và chị vô hiệu chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nếu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà và Anh T vô hiệu chị không yêu cầu Anh T, Chị H phải trả cho chị số tiền đã vay. Khi nào chị có yêu cầu chị sẽ yêu cầu sau.

Chị Ngô Thị H trình bày: Chị xác nhận vợ chồng chị có vay của chị Vũ Thị H tiền. Theo bản án số 02/2019/DSST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã

Từ Sơn thì vợ chồng chị phải trả cho chị Huyền số tiền gốc là 600.000.000đ và tiền lãi là 160.200.000đ. Số tiền này cho đến nay vợ chồng chị chưa trả bà Huyền.

Việc Anh T chồng chị lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Chị T đối với thửa đất số 696, tờ bản đồ 5 tại khu phố H, phường H, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh chị không biết vì Anh T không nói với chị sau này chị mới được biết. Thửa đất này mang tên một mình Anh T do bố mẹ Anh T cho. Theo chị, Anh T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Chị T là vì vợ chồng chị có vay của Chị T một khoản tiền để trả nợ ngân hàng và để làm ăn.

Ngoài thửa đất Anh T tặng cho Chị T, vợ chồng chị không còn tài sản nào khác.

Nay bà Huyền đề nghị tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Anh T và Chị T vô hiệu chị không đồng ý vì vợ chồng chị có vay nợ bà Huyền nhưng không thể chấp thửa đất cho chị Huyền.

Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, Chi cục thi hành án dân sự không còn ý kiến gì khác.

Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh do bà Ngô Thị Bích Ngọc trình bày: Phòng công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh có công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Anh Đàm Thuận T và chị Đàm Thị Tươi số 1331/2019 ngày 26/7/2019 đối với thửa đất số 696, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m² tại khu phố H, phường H, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Việc công chứng đã được thực hiện theo đúng thủ tục pháp luật về công chứng quy định cụ thể như sau: Hồ sơ công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do các bên cung cấp hoàn toàn rõ ràng, hợp pháp, việc giao kết hợp đồng không có việc đe dọa, cưỡng ép và các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đối tượng hợp đồng, giao dịch được mô tả đúng, cụ thể trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất phòng công chứng số 2 không nhận được bất kỳ công văn hay văn bản của cơ quan, đơn vị, cá nhân nào yêu cầu hạn chế hoặc ngừng giao dịch đối với thửa đất đã tặng cho theo hợp đồng nêu trên. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228; 235; 264; 266; 291; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116; 117; 119; 124; 459; 503 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167; 168; 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 75 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị H.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 26/7/2019 giữa Anh Đàm Thuận T với Chị Đàm Thị T đối với quyền sử dụng thửa đất số 696,

tờ bản đồ số 5, diện tích 100m² (nay là thửa 270, tờ bản đồ số 51) tọa lạc tại khu phố H, phường H, thị xã Từ Sơn là vô hiệu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 01/10/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị Ngô Thị H kháng cáo; Ngày 05/11/2021 Anh Đàm Thuận T, Chị Đàm Thị T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm vụ án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và việc tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Đàm Thuận Tuấn và bà Đàm Thị Tươi xác lập ngày 26/7/2019 vô hiệu là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn là Anh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị H trình bày, tranh luận giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị T kháng cáo toàn bộ bản án nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Chị T. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Anh Đàm Thuận T, Chị Ngô Thị H, Chị Đàm Thị T nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 26/7/2019 giữa bên tặng cho là Anh Đàm Thuận T và bên được tặng cho là Chị Đàm Thị T được văn phòng công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh công chứng.

Xét về chủ thể ký hợp đồng thì thấy: Cả bên tặng cho là Anh T và bên được tặng cho là Chị T đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, các bên khi tham gia giao kết hợp đồng đều tự nguyện không bị ép buộc. Khi Anh T tặng cho Chị T quyền sử

dụng đất thì đã lập thành văn bản và văn bản này đã được văn phòng công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh công chứng.

Nội dung của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất: Anh T tặng cho Chị T quyền sử dụng thửa đất số 696, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m² (nay là thửa 270, tờ bản đồ số 51) tại khu phố H, phường H, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Cả Anh T, Chị T đều trình bày Anh T, Chị H có vay của Chị T số tiền 900.000.000đ để vợ chồng Anh T trả nợ ngân hàng và làm ăn. Sau đó, do Anh T không trả được số tiền 900.000.000đ nên Anh T đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 696, tờ bản đồ số 5 cho Chị T để bù trừ nghĩa vụ trả nợ cho Chị T. Như vậy, việc Anh T tặng cho Chị T quyền sử dụng đất là giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước. Bởi khi Anh T, Chị H vay tiền của Chị T thì Anh T, Chị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Chị T nên khi đối trừ khoản nợ với Chị T thì Anh T phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Chị T chứ không thể lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với Chị T được. Và khi lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì Anh T, Chị T phải chịu các khoản thuế, phí với nhà nước nhưng Anh T, Chị T lại lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để che giấu việc vay tiền trước đó nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là giả tạo.

Không những thế, trước khi Anh T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì Anh T, Chị H đã có một khoản vay với Bà Vũ Thị H. Sau đó, do vợ chồng Anh T, Chị H không trả được số tiền đã vay cho bà Huyền nên bà Huyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn vào ngày 17/7/2019. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử tại Tòa án thì ngày 26/7/2019, Anh T lại lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Chị T đối với thửa đất số 696, tờ bản đồ số 5, tại khu phố H, phường H, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Tại bản án số 02/2019/DSST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn buộc Anh T, Chị H trả cho bà Huyền số tiền gốc là 600.000.000đ và tiền lãi là 160.200.000đ. Chị H, Anh T thừa nhận ngoài tài sản là thửa đất trên thì anh chị không còn tài sản nào khác để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bà Huyền.

Theo Anh T, Chị H anh chị vay Chị T số tiền 900.000.000đ để vợ chồng anh chị trả nợ cho ngân hàng thể hiện ở việc đã xóa thế chấp ngày 14/3/2019 nhưng anh chị không đưa ra được lý do tại sao sau hơn 4 tháng anh chị mới lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Chị T. Hợp đồng này được lập sau khi Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn thụ lý đơn khởi kiện của Bà Vũ Thị H. Do đó, có căn cứ để khẳng định Anh T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho Chị T nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ với bà Huyền.

Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã tiến hành xác minh với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Từ Sơn thì đến giai đoạn xét xử sơ thẩm, Chị Đàm Thị T vẫn chưa đăng ký quyền sử dụng đất kể từ thời điểm chị và Anh T ký hợp đồng

tặng cho quyền sử dụng đất ngày 26/7/2019. Trong khi đó theo quy định của Điều 459 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực từ thời điểm đăng ký” và tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Việc... tặng cho quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính”. Do vậy, Chị T chưa đăng ký tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Từ Sơn nên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa Anh Đàm Thuận T với Chị Đàm Thị T chưa phát sinh hiệu lực pháp luật.

Xét kháng cáo của Chị T và Anh T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chỉ có mặt bà Hương còn vắng mặt tất cả các đương sự khác đặc biệt là Chị T có đơn xin hoãn phiên tòa vì dịch bệnh covid 19 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét kháng cáo này của các đương sự thì thấy, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng số 2 tỉnh Bắc Ninh, Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đàm Thuận T là bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị Đàm Thị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa và Chị T có đơn gửi Tòa án đề nghị hoãn phiên tòa vì lý do dịch covid diễn biến phức tạp, đi lại khó khăn và chưa mời luật sư cho mình. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm thì nơi Chị T cư trú không bị cách ly y tế và cũng không bị giãn cách theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ nên lý do Chị T đưa ra là không có căn cứ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Chị T là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của Anh T, Chị T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

Anh T, Chị H kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét việc định đoạt tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng. Xét kháng cáo này của Anh T, Chị H thì thấy: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn chỉ đề nghị tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu. Các đương sự trong vụ án không ai đề nghị về việc phân chia tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định của pháp luật. Hơn nữa, bản án sơ thẩm cũng không tuyên hợp đồng tặng cho vô hiệu để đảm bảo cho việc sử dụng tài sản riêng thanh toán nghĩa vụ chung của vợ chồng theo như kháng cáo đã nêu.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Anh T, Chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nào chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Đối với kháng cáo của Chị T thì thấy: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ Chị T nhưng Chị T vắng mặt lần thứ hai thì bị coi là từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Chị T là phù hợp với pháp luật.

Từ những phân tích trên có thể thấy việc kháng cáo của Anh T, Chị H là không có căn cứ. Do đó, cần bác toàn bộ kháng cáo của Anh T, Chị H, đồng thời, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Chị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

[3]. Án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296, 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Chị Đàm Thị T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Căn cứ Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228; 235; 264; 266; 291; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 116; 117; 119; 124; 459; 503 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 167; 168; 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 75 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị H.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập ngày 26/7/2019 giữa Anh Đàm Thuận T với Chị Đàm Thị T đối với quyền sử dụng thửa đất số 696, tờ bản đồ số 5, diện tích 100m² (nay là thửa 270, tờ bản đồ số 51) tọa lạc tại khu phố H, phường H, thị xã Từ Sơn là vô hiệu.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại Bà Vũ Thị H 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2019/003711 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn.

Anh Đàm Thuận T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đàm Thuận T, Chị Đàm Thị T, Chị Ngô Thị H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp tại biên lai thu số AA/2021/0003329, số AA/2021/0003330 cùng ngày 05/10/202 và AA/2021/0003301 ngày 09/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TP Từ Sơn;
- Chi cục THADS TP Từ Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Bình